

BỘ/UBND.....
TRƯỜNG.....

GIÁO TRÌNH
MÔ ĐUN: ẢNH LAO ĐỘNG SINH HOẠT ĐỜI THƯỜNG
NGÀNH/NGHỀ: NHIẾP ẢNH
TRÌNH ĐỘ: CỬ NHÂN CAO ĐẲNG

Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-... ngàytháng.... năm
..... của

....., năm

TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo.

Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm.

LỜI GIỚI THIỆU

Giới thiệu xuất xứ của giáo trình, quá trình biên soạn, mối quan hệ của giáo trình với chương trình đào tạo và cấu trúc chung của giáo trình.

Lời cảm ơn của các cơ quan liên quan, các đơn vị và cá nhân đã tham gia.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Tham gia biên soạn

1. Chủ biên

2.

3.

.....

MỤC LỤC

TRANG

1. Lời giới thiệu

.....

2.

.....

3.

.....

.....

.....

n

.....

GIÁO TRÌNH MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Tên mô đun: ẢNH LAO ĐỘNG SINH HOẠT ĐỜI THƯỜNG

Mã mô đun: MĐ30

Vị trí, tính chất, ý nghĩa và vai trò của môn học/mô đun:

- Vị trí: Là mô đun chuyên môn trong chương trình giáo dục chuyên ngành Nhiếp ảnh Cao đẳng chính quy.
- Tính chất: Là mô đun thuộc kỹ thuật mang tính thực hành, gắn liền lý thuyết, có hình thức đánh giá là thi thực hành.
- Ý nghĩa và vai trò của môn học/mô đun:

Mục tiêu của môn học/mô đun:

- Về kiến thức: Nắm rõ nội dung cơ bản thể loại Ảnh lao động sinh hoạt đời thường, biết phân tích, đánh giá yếu tố mỹ thuật, tính thẩm mỹ, trường phái thể loại ảnh.
- Về kỹ năng: Trên cơ sở kiến thức được trang bị và quá trình tự học người học nắm vững kỹ thuật chụp thể loại Ảnh lao động sinh hoạt đời thường của con người trong xã hội. người học nắm bắt tiêu chí đánh giá, ứng dụng trong cuộc sống khi chụp thể loại Ảnh lao động sinh hoạt đời thường.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Người học có khả năng thực hiện bài một cách độc lập cho thể loại ảnh này; Người học phải tự đúc kết kiến thức, kỹ năng cho bản thân thông qua các nội dung mô đun. Từ đó có nhận thức, kỹ năng của mô đun và áp dụng tốt những kiến thức đã học vào thực tiễn nghề nghiệp.

Nội dung của môn học/mô đun:

Bài 1: Ảnh lao động sinh hoạt đời thường

Thời gian: 20 giờ (Lý thuyết: 5 giờ; Thực hành :12 giờ, Kiểm tra: 3 giờ)

1. Mục tiêu của bài: Nhận biết định nghĩa, phân loại, những đặc tính, thực hành thực tế, khảo sát hiện trường, tập nhận diện chọn lựa đối tượng mang tính đại diện, lập dự án xây dựng kế hoạch thực hiện thể loại ảnh này.
2. Nội dung bài:
 - 2.1. Các khái niệm: Định nghĩa
 - 2.1.1. Phân loại
 - 2.1.1.1. Lao động tạo ra sản phẩm (vật chất)





2.1.1.2. Lao động phi vật thể (tinh thần)

Cải lương là một loại hình kịch hát có nguồn gốc từ miền Nam Việt Nam, hình thành trên cơ sở dòng nhạc Đờn ca tài tử và dân ca miền đồng bằng sông Cửu Long, nhạc xưa cổ

Giải thích chữ "cải lương" (改良) theo nghĩa Hán Việt, giáo sư Trần Văn Khê cho rằng: "Cải lương là sửa đổi cho trở nên tốt hơn", thể hiện qua sân khấu biểu diễn, đề tài kịch bản, nghệ thuật biểu diễn, dàn nhạc và bài bản.[1]. Ở đây là đã cải lương (cải cách, đổi mới) nghệ thuật hát bội. Từ 1 động từ theo nghĩa thông thường đã trở thành 1 danh từ riêng. Sau khi cải lương thì nghệ thuật Cải Lương đã khác hẳn với nghệ thuật hát bội cả về nội dung và hình thức[2].

Về thời gian ra đời, theo Vương Hồng Sển: tuy "có người cho rằng cải lương đã manh nha từ năm 1916, hoặc là 1918", nhưng theo ông thì kể từ ngày 16 tháng 11 năm 1918, khi tuồng Gia Long tẩu quốc được công diễn tại Nhà hát Tây Sài Gòn, cách hát mới lạ này mới "bành trướng không thôi, mở đầu cho nghề mới, lấy đờn ca và ca ra bộ ra chính

đốn, thêm thắt mãi, vừa canh tân, vừa cải cách...nên cải lương hình thành lúc nào cũng không ai biết rõ..."[3]

Đa số các nhà nghiên cứu hiện nay đều thống nhất về việc giải thích 2 từ cải lương theo nghĩa: Cải là cải cách, lương là lương truyền. Có nghĩa là làm mới thể loại âm nhạc dân tộc để qua đây lương truyền tuồng tích, các vấn đề muốn gửi gắm đến khán giả, nhân dân và nhiều thế hệ hôm nay, mai sau.





2.1.1.3. Lao động phi sản phẩm (phong trào, công ích)

2.1.2. Vai trò ảnh Lao động sinh hoạt đời thường

2.1.2.1. Vai trò trong cuộc sống



2.1.2.2. Vai trò trong xã hội



2.1.2.3. Vai trò trong nghệ thuật





1. NGƯỜI VIỆT CÓ CÂU TỤC NGỮ

- “*Sống cái nhà, già cái mồ*” nói về tầm quan trọng của nơi chốn ăn ở, sinh hoạt hay yên nghỉ của con người trọn một vòng đời. Và nếu hỏi sau mái nhà thì cái gì gắn bó rất mật thiết với cuộc sống đời thường của con người, xin nói ngay:

CÁI CHỢ.



Ảnh: PHÙNG ANH TUẤN

63 tỉnh - thành, nơi nào cũng có một hoặc vài địa danh chợ nổi tiếng. Đất kinh kỳ Hà Nội - Thăng Long ngày xưa có tên Nôm là Kẻ Chợ, được mô tả là không gian sinh hoạt, buôn bán sầm uất, nhộn nhịp. *“Rủ nhau đi khắp Long Thành. Ba mươi sáu phố rành rành chẳng sai”*, 36 phố phường Hà Nội là 36 Hàng. Mỗi Hàng có khác nào một chợ, độc đáo ở chỗ là chuyên về một mặt hàng hay dịch vụ, chẳng lẫn vào đâu được.

Sài Gòn – TP HCM có Chợ Lớn ai cũng biết. Tên cũ là Đê Ngạn, vốn là làng của người Minh Hương từ Trung Quốc sang khai cơ lập nghiệp vào khoảng thế kỷ XVII - XVIII. Học giả Vương Hồng Sển và nhà văn Sơn Nam từng kể trong các tác phẩm của hai ông rằng hồi ấy Chợ Lớn là một vùng biệt lập với đất Sài Gòn - Gia Định, mạnh về buôn bán. Sau khoảng năm 1776, người Hoa ở Cù Lao Phố (Biên Hòa, Đồng Nai bây giờ) chạy nạn nhà Tây Sơn, tụ tập thêm về đây nên Chợ Lớn ngày càng đông đúc, nhộn nhịp. Trong *“Gia Định thành thông chí”* (1820), Trịnh Hoài Đức miêu tả: *“Cách trấn về phía Nam 12 dặm ở hai bên tả hữu đường cái quan, là đường phố lớn, thẳng suốt ba đường, giáp*

đến bến sông, một đường ngang ở giữa, một đường đi dọc theo sông. Các đường ấy đan xuyên nhau như chữ điền, phố xá liền mái nhau, người Việt và người Tàu ở chung lộn dãi độ ba dặm”. Qua bao biến thiên thời cuộc, Chợ Lớn vẫn luôn là khu vực ăn nên làm ra của thương giới, nhất là người Hoa. Đó là cái “chợ” lớn nhất, tìm mua thứ gì cũng có; là khu ăn chơi - mà nói theo chữ nghĩa tân thời là ẩm thực, giải trí - nức tiếng nhất. Trung niên thi sĩ Bùi Giáng cũng đã từng thừa nhận: *“Sài Gòn Chợ Lớn rong chơi. Đi lên đi xuống đã đời du côn”.*

Cũng rất riêng, chính đất Chợ Lớn là chiếc nôi nuôi lớn nhiều thương gia lẫy lừng khắp Sài Gòn và Nam Kỳ lục tỉnh thuở trước, còn lưu danh đến bây giờ. Mỗi người một nghề và họ đều rất siêu, như: Hứa Bồn Hoa (chú Hỏa), Quách Đàm, Lý Tường Quan (bá hộ Xường), Trần Ích, Trương Văn Bền, Lâm Thọ Vinh, Vương Đạo Nghĩa, Trương Vĩ Nhiên, Trần Thành, Lý Long Thân... Trong đó, “nhất Hỏa, nhì Đàm, tam Xường, tứ Ích” được cho là tứ đại gia nổi bật của khu vực phong nhiêu này.

Bây giờ, trước sự càn quét của con lốc trung tâm thương mại và siêu thị, 36 Hàng - tức 36 chợ truyền thống Hà Nội - vẫn đủ sức đương đầu và trụ vững, bởi nó gắn quá chặt với con người Hà Nội từ trong tâm tưởng. Một phần hồn vía thủ đô nằm ở đó, mất sao được! Cũng như vậy, cho dù chợ Bến Thành vẫn ngạo nghễ là biểu tượng của Sài Gòn - TP HCM nhưng Chợ Lớn mới là cái “chợ” đáng đặt chân nhất khi đến xứ này. Ai hỏi chợ truyền thống nào to nhất và khó suy suyền nhất Việt Nam, hãy mạnh dạn bảo: Chợ Lớn!



2. YẾU TỐ TẠO NÊN SỨC SỐNG CỦA CHỢ TRUYỀN THỐNG LÀ GÌ? Đó chính

là văn hóa. Văn hóa chợ được kết tinh từ tập quán ngàn đời của người Việt.

Chợ là nơi tụ hội. "Ồn như cái chợ", người ta hay nói vậy mỗi khi bức mình trước sự ồn ào nhưng thực ra, nội hàm của "ồn" chính là "đông" và "vui". Đông thì rõ rồi. Còn vui?

Vui bởi chợ là chỗ hàn huyên. Anh A. vừa trúng số, chị B. cán bầu, ông C. trốn nợ, bà D. sắp cưới vợ cho con..., tất tần tật chuyện, chỉ cần bỏ dăm chục phút ghé chợ, là biết tuốt. Đó là nơi lăm điều nhất thiên hạ! Vào siêu thị, lặng lẽ và cô đơn trước các kệ hàng, lại vô ngôn bên tờ hóa đơn và quầy cashier điện tử..., dù tiện lợi đấy nhưng trong thâm sâu, người Việt chẳng ưng. Ra chợ thì gặp mặt, chào nhau, tám chuyện, trả giá, thậm chí mắng mỏ nhau, nói chung là được tương tác một cách tối đa, vậy mới thích. Rồi được đem bao nhiêu là chuyện về nhà, kể lại bên mâm cơm gia đình. Đồ ăn thức uống cũng từ chợ, chuyện người chuyện đời cũng từ chợ, cả vui lẫn buồn, không chỉ trong bữa ấy, mà ngày sau, và hôm sau nữa. Mà đâu phải nhà nào cũng khá tiền nên có nhà đi chợ mỗi ngày hoặc cách nhật hoặc mỗi tuần. Có khi ra chợ mà chẳng mua gì hoặc mua cho có, đơn giản là vì cần thông tin nên phải đi. Thiếu chợ là không được, thèm lắm! Và cứ thế, rất tự nhiên, chợ theo chân người đi vào cuộc sống của họ, vào tập quán của họ, vào từng nếp nhà. Nếp nhà hay gia phong, đó chính là văn hóa. Nhiều thứ có thể mất đi, riêng văn hóa thì không thể mất.

Cũng chính vì những lẽ trên mà chợ đi vào tục ngữ, ca dao, văn thơ một cách vừa hồn nhiên vừa sang trọng. *"Gái thương chồng đương đông buổi chợ, trai thương vợ nắng quai chiều hôm"* là một câu tục ngữ đẹp, nhắc nhở tình chồng nghĩa vợ phải luôn son sắt. Đây nữa: *"Anh về hái đậu trẩy cà. Để em đi chợ kéo mà lỡ phiên"*. Lời sao mà hay, ý sao mà đẹp quá!

Người Huế tự nhận bài ca dao sau đây là của xứ mình: *"Ru con, con thóc cho muối. Để mẹ đi chợ mua xôi ăn trâu. Mua xôi chợ Quán, chợ Cầu. Mua cau Nam Phổ, mua trâu chợ Dinh. Chợ Dinh bán áo con trai. Triều Sơn bán nón, Mậu Tài bán kim..."*. Dù hầu hết các địa danh đã nêu được xác định là ở Bình Trị Thiên nhưng vẫn có nhiều ý kiến cho rằng bài ca dao này thuộc về Hà Nội. Thôi thì đâu cũng được, điều đáng quý hơn cả là chất liệu "chợ" được đưa vào lời ru của mẹ, vỗ về giấc ngủ cho con; như theo bước chân con người từ thuở ấu thơ đến lúc trưởng thành. Như thế, bằng chứng từ tục ngữ, ca dao đã cho thấy từ trong tâm thức, con người đã tự kết bạn với chợ, tự thừa nhận chợ là một góc của đời mình.

"Đầu đường xó chợ" là sự mô tả chua chát về hoàn cảnh lang thang, bất định, có phần lỗ mảng của con người. Nhất Linh (Nguyễn Tường Tam), người sáng lập đồng thời là cây bút chính của Tự Lực Văn đoàn, có truyện ngắn *"Đầu đường xó chợ"*. Ông khái quát "đầu đường xó chợ" là một phần của xã hội bằng đúc kết ở cuối truyện: *"Cái đời đầu đường xó chợ ấy ngay từ thuở còn nhỏ đã dạy cho tôi hiểu rằng: Muốn cho người ta dễ có lòng thiện thì phải làm thế nào cho người ta khỏi nghèo khổ, mà một xã hội nghèo khổ thì bao giờ cũng dễ thành một xã hội xấu xa"*. Bùi Giáng thì lạc quan hơn khi lồng ghép tình yêu vào thân phận lang bạt kỳ hồ: *"Anh cứ tưởng đầu đường thương xó chợ. Ai có ngờ xó chợ cũng thương nhau"* (Anh vẫn tưởng). Còn Nguyễn Bính thì trong thi phẩm *"Hành phương Nam"* nổi tiếng, ông "biến" chợ thành nơi thi nhân mặc khách tao ngộ và nâng chén tiêu sầu: *"Ta đi nhưng biết về đâu chứ? Đã dấy phong yên khắp bốn trời. Thà cứ ở đây ngồi giữa chợ. Uống say mà gọi thế nhân ơi!"*.

Ảnh: PHÙNG ANH TUẤN

3. DÌ BỐN CỦA TÔI CẢ ĐỜI GẮN BÓ VỚI MẢNH ĐẤT QUÊ. Chợ sáng thì đi thật sớm để mua hàng tươi ngon và kịp về lo việc đồng áng. Chợ chiều thì tranh thủ giữa buổi tạt ngang, "đèo" theo mớ củi, xấp lá chuối, cặp gà để bán, rồi mua vài thứ cần thiết mang về. Chợ "chôm hôm" cách nhà không xa là chỗ để giải quyết nhanh những bữa ăn vội, trễ giờ.

Ngày trước còn cơ cực là vậy, bây giờ khấm khá hơn mà vẫn thế. Không đi chợ này cũng ghé chợ kia, vẻ như "nghieten" chợ.

Nhớ cái năm dì vào thăm tôi, lưu lại vài tuần, gọi là ăn Tết Sài Gòn. Tôi chỉ cho dì phụ mấy việc vặt trong nhà, chợ búa có người lo. Dăm bữa nửa tháng, dì đòi về quê. Tưởng dì ở riết trong nhà nên buồn, tôi lấy xe chở dì xuống trung tâm Sài Gòn cho khuây khỏa, vào Thương xá Tax cho biết. Mấy tấm áo quần đẹp, vài đồ gia dụng tiện ích đem về từ trung tâm mua sắm bệ thế, xa hoa có tuổi đời hơn 120 năm ấy chẳng thể làm dì vui. Cũng lạ...

Một bữa, dì bảo: "Cho dì đi chợ!". Tôi hiểu.

Tôi đưa dì lên Bảy Hiền, ghé chợ Bà Hoa ở phường 11, quận Tân Bình, là "chợ của người Quảng Nam". Những ngày giáp Tết, chợ đông, hàng hóa đầy ắp. Nhìn thấy mấy món quê quen thuộc như bánh tráng mè, đường bát, mì lá, bánh thuẫn, dầu phộng..., lại nghe tiếng đồng hương nói cười rộn rã, mắt dì Bốn sáng trưng, cười phấn chấn. Tôi cũng thấy vui lây.

Dạo chợ cả tiếng đồng hồ, chân tôi đã mỏi mà dì Bốn chẳng mua gì. Tôi hỏi: "Rửa thì lên đây làm chi?". "Đi cho đỡ nhớ thôi. Lâu ngày, thèm chợ quá!".

Phải là người nhà quê mới hiểu được hai tiếng "thèm chợ" sâu lắng, thiết tha cỡ nào. Nó lý giải vì sao cách thức mua bán theo thời gian có thể đổi thay nhưng đặc trưng của chợ truyền thống trong đời sống người Việt mãi mãi trường tồn.

Đó là cái Tết xa quê duy nhất và cuối cùng của dì tôi. Giờ đây, Thương xá Tax cũ không còn, mỗi khi đi ngang chốn ấy, tôi lại nhớ đến dì. Nhất là giai đoạn chớm Xuân, mọi lần lên Bảy Hiền, tôi đều phải rẽ vào con đường Trần Mai Ninh (trước kia là Nguyễn Bá

Tùng) ngang chợ Bà Hoa để lắng nghe nhịp chợ những ngày giáp Tết, để tìm lại trong hương xưa ngày cũ bóng dáng người thân năm nào.



2.2. Những đặc tính của thể loại Ảnh lao động sinh hoạt đời thường

2.2.1. Đặc tính chân thật

2.2.2. Đặc tính thẩm mỹ

2.2.3. Đặc tính thông tin

2.2.4. Đặc tính tư liệu

2.3. Thực hành

2.3.1. Chụp ảnh lao động sản phẩm

2.3.1.1. Khảo sát làng nghề lao động tạo ra sản phẩm

2.3.1.2. Thâm nhập thực tế lấy thông tin.

2.3.1.3. Quan sát chọn lọc nét nổi bật, mang tính đặc trưng...

2.3.2. Chụp ảnh lao động phi vật thể

2.3.2.1. Khảo sát làng nghề lao động phi vật thể

2.3.2.2. Thâm nhập thực tế tại thành phố Hồ Chí Minh và vùng giáp ranh

2.3.2.3. Quan sát chọn lọc nét nổi bật, mang tính đặc trưng...

2.3.3. Chụp ảnh lao động phi sản phẩm

2.3.3.1. Khảo sát làng nghề lao động phi sản phẩm

2.3.3.2. Thâm nhập thực tế tại thành phố Hồ Chí Minh và vùng giáp ranh thành phố.

2.3.3.3. Quan sát chọn lọc nét nổi bật, mang tính đặc trưng...

Bài 2: Những yếu tố chính của ảnh lao động trong sinh hoạt đời thường

Thời gian: 55 giờ (Lý thuyết: 5 giờ; Thực hành: 47 giờ, Kiểm tra: 3 giờ)

1. Mục tiêu của bài: Nhận biết ý nghĩa chủ đề, các yếu tố như ánh sáng, bố cục, phương pháp thể hiện, kỹ thuật cũng như thiết bị phục vụ cho thể loại ảnh này.

2. Nội dung bài:

2.1. Các chủ đề

2.1.1. Ý nghĩa chủ đề

2.1.2. Yếu tố

2.1.3. Hình thức mô tả

2.1.4. Ánh sáng

2.1.5. Bố cục

2.1.6. Nội dung

2.2. Phương pháp thể hiện

2.2.1. Kỹ thuật để chụp được ảnh lao động

2.2.2. Chọn điểm nhìn

2.2.3. Chọn khung ảnh bố cục

2.2.4. Ống kính (đa tiêu cự “zoom”)

2.2.5. Những cá tính (đức tính) của người chụp Ảnh lao động sinh hoạt đời thường

2.2.6. Giới thiệu một số tác phẩm tiêu biểu về Ảnh lao động sinh hoạt đời thường

2.3. Thực hành

2.3.1. Cả lớp tham khảo các đề tài do giảng viên đưa ra cho thể loại Ảnh lao động sinh hoạt đời thường:

+ Cuộc sống quanh ta

+ Sài gòn trong tôi

+ Khoảnh khắc làng quê

2.3.1.1. Khảo sát thực tế

2.3.1.2. Sau khi khảo sát hiện trường cùng với giảng viên. người học nói lên những cảm nhận khi đi thực tế. người học đưa ra chủ đề thực hiện

2.3.1.3. Xây dựng ý tưởng, phát triển thành những story board trình lên cho lớp

2.3.1.4. Nhận xét ý tưởng thực hiện

2.3.1.5. Tiến hành chụp

2.3.1.6. Người học mang File ảnh lên lớp nhận xét

2.3.1.7. Chụp hoàn thiện

2.3.1.8. Chấm điểm

2.3.2. Chụp Ảnh lao động sinh hoạt đời thường chủ đề do người học tự chọn: người học tự khảo sát hiện trường, nói lên những cảm nhận khi đi thực tế. người học đưa ra chủ đề thực hiện

2.3.2.1. Thực hiện hình ảnh cho các kịch bản ảo, phát triển thành những story board trình lên cho giảng viên góp ý

2.3.2.2. Tiến hành thực hiện đề tài. Chụp ảnh sau đó nhận xét, nếu chưa hoàn chỉnh tiến hành bổ sung hoàn thiện

2.3.2.3. Chấm điểm

Nội dung cần thể hiện trong các tiêu mục/tiêu tiêu đề gồm:

- Kiến thức cần thiết để thực hiện công việc;
- Các bước và cách thức thực hiện công việc;
- Bài tập thực hành của học sinh, sinh viên;
- Yêu cầu về đánh giá kết quả học tập;
- Ghi nhớ.

Gợi ý:

- + *Lựa chọn nội dung phù hợp với mục tiêu;*
- + *Nội dung và hình vẽ minh họa phải làm sáng tỏ nội dung và cần tuân thủ các quy định trong Luật bản quyền;*
- + *Tích hợp được các trang thiết bị dạy học, các nguồn học liệu khác...một cách khoa học;*
- + *Phong cách viết dễ hiểu, rõ ràng, ngắn gọn và chính xác;*
- + *Cuối mỗi chương có thể có các bài mở rộng và nâng cao. Nếu nội dung của mỗi chương đơn giản, khó thiết kế một bài tập loại này có thể bỏ qua.*